

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04
3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	
3.1 BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	05 - 06
3.2 BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	07
3.3 BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	08
3.4 THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	09 - 41

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng trân trọng đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Tên Công ty bằng tiếng nước ngoài: DANANG EDUCATION INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY.

Tên Công ty viết tắt: DEIDCO.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty: Xuất bản sách bổ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

Mã chứng khoán niêm yết: DAD.

Trụ sở chính: Số 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: 50.000.000.000 đồng (*Năm mươi tỷ đồng*).

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong kỳ của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Ông Thừa Phú	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Nguyễn Quang Dũng	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Bà Phạm Thị Thu Hương	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Nguyễn Lê Văn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Hồ Văn Lĩnh	Ủy viên	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Phạm Thành Nam	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng Công ty (tiếp theo)

Ban Kiểm soát

Ông Hồ Phú Cường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Phạm Tiến Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Đặng Công Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Bà Hồ Đoàn Thiên Kim	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Lê Quang Tiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Dũng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Hồ Văn Lĩnh	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/5/2017
Ông Trần Phước Chương	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017

Kế toán trưởng

Bà Lê Ngọc	Tái bổ nhiệm ngày 20/5/2017
------------	-----------------------------

4. Kiểm toán độc lập

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2017.

5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017. Trong việc soạn lập các Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở Công ty hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các Báo cáo tài chính phù hợp với Chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

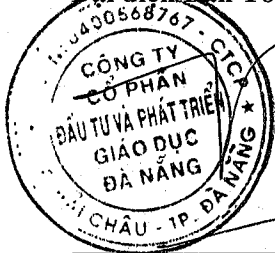
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017

6. Xác nhận (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực và Hệ thống kế toán Việt Nam.

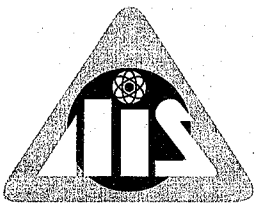
Đà Nẵng, ngày 10 tháng 8 năm 2017

Đại diện Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc

Nguyễn Quang Dũng



Số: 170637/BCSX - AISHN

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng, được lập ngày 24/7/2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/6/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

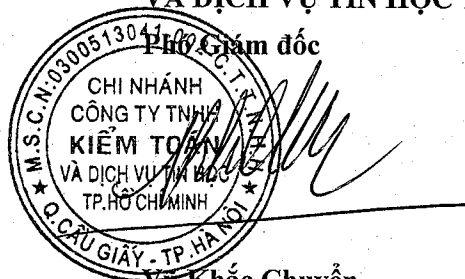
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/6/2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2017

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HỒ CHÍ MINH**



Vũ Khắc Chuyên
Số Giấy CNDKHNKT: 0160-2013-05-1
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Branch in Hà Nội: C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cầu Giấy Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng: 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng

Representative in Cần Thơ: 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City

Representative in Hải Phòng: 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel: (04) 3782 0045/46 /47 **Fax:** (04) 3782 0048

Tel: (0511) 371 5619 **Fax:** (0511) 371 5620

Tel: (0710) 3813 004 **Fax:** (0710) 3828 765

Tel: (031) 3569 577 **Fax:** (031) 3569 576

Email: aishn@hn.vnn.vn

Email: aiscct@dong.vnn.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		77.307.538.346	56.874.364.017
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.281.633.534	11.459.384.182
1. Tiền	111		4.281.633.534	3.459.384.182
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	8.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2a	408.545.000	408.545.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		408.545.000	408.545.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.238.069.790	17.440.447.608
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	40.133.976.639	14.906.638.064
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	2.826.971.034	2.093.928.073
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	552.098.783	1.148.371.742
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(1.677.902.231)	(1.111.415.836)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	402.925.565	402.925.565
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	28.020.504.139	25.301.416.903
1. Hàng tồn kho	141		32.918.618.890	29.441.035.009
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.898.114.751)	(4.139.618.106)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.358.785.883	2.264.570.324
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	2.318.185.700	2.134.917.754
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	68.914.440
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.10a	40.600.183	60.738.130
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		40.214.506.806	41.681.728.560
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		20.850.984.668	19.283.604.464
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	13.028.415.457	11.452.533.253
<i>Nguyên giá</i>	222		18.706.570.394	16.676.770.394
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.678.154.937)	(5.224.237.141)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	7.822.569.211	7.831.071.211
<i>Nguyên giá</i>	228		7.884.999.000	7.884.999.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(62.429.789)	(53.927.789)
III. Bất động sản đầu tư	230		0	0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0	0
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	18.677.250.000	21.677.250.000
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		5.449.500.000	5.449.500.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		13.227.750.000	16.227.750.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		686.272.138	720.874.096
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	686.272.138	720.874.096
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.522.045.152	98.556.092.577

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Dạng đầy đủ)

Quý 2 năm 2017

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Đơn vị tính: đ

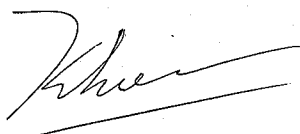
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		36.450.453.462	28.307.095.809
I. Nợ ngắn hạn	310		36.450.453.462	28.307.095.809
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	14.252.695.702	9.238.857.741
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	325.569.090	234.723.431
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10b	3.195.574.116	132.535.211
4. Phải trả người lao động	314		4.477.435.392	946.573.099
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	6.847.472.992	2.978.415.574
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		24.720.000	24.720.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	159.580.235	8.754.332.835
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	5.722.706.600	5.072.534.965
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.444.699.335	924.402.953
II. Nợ dài hạn	330		0	0
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.18	81.071.591.690	70.248.996.768
I. Vốn chủ sở hữu	410		81.071.591.690	70.248.996.768
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	<i>411a</i>		<i>50.000.000.000</i>	<i>50.000.000.000</i>
2. Cổ phiếu quỹ	415		(2.907.360.967)	(2.907.360.967)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.996.205.100	5.351.901.478
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		27.982.747.557	17.804.456.257
<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước</i>	<i>421a</i>		<i>17.804.456.257</i>	<i>15.126.793.467</i>
<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>	<i>421b</i>		<i>10.178.291.300</i>	<i>2.677.662.790</i>
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.522.045.152	98.556.092.577

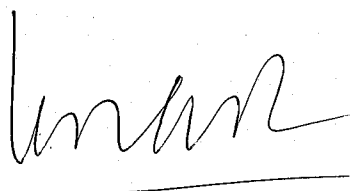
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2017

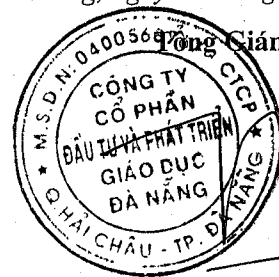
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Trưởng Giám đốc


Nguyễn Hà Khuyên


Lê Ngọc




Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2017

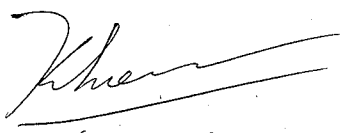
Đơn vị tính: đ

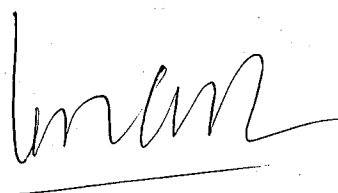
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	76.515.822.764	71.336.003.565	93.068.596.348	91.059.604.392
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.475.710.570	703.474.865	3.136.411.571	930.440.143
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	74.040.112.194	70.632.528.700	89.932.184.777	90.129.164.249
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	46.392.643.070	43.556.299.115	59.491.370.078	60.035.979.010
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.647.469.124	27.076.229.585	30.440.814.699	30.093.185.239
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	479.759.742	477.174.068	699.922.494	597.116.780
6. Chi phí hoạt động tài chính	22	VI.6	594.022.519	632.392.583	850.631.307	843.458.805
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		229.748.656	235.949.258	486.357.444	438.015.480
7. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	6.283.189.171	6.226.351.263	6.985.284.427	6.998.320.613
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	5.784.160.950	5.387.820.413	7.340.794.408	7.011.440.203
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.465.856.226	15.306.839.394	15.964.027.051	15.837.082.398
10. Thu nhập khác	31	VI.8	152	1.818.754	152	1.964.209
11. Chi phí khác	32	VI.9	0	405	0	405
12. Lợi nhuận khác	40		152	1.818.349	152	1.963.804
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.465.856.378	15.308.657.743	15.964.027.203	15.839.046.202
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.11	3.054.159.386	3.096.563.220	3.208.521.416	3.213.248.681
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.411.696.992	12.212.094.523	12.755.505.787	12.625.797.521
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.262,65	2.227,91	2.322,84	2.303,38
17. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.13	2.262,65	2.227,91	2.322,84	2.303,38

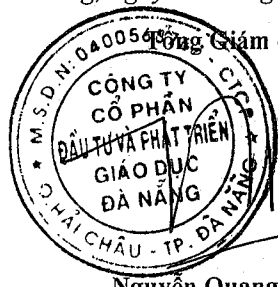
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Lập biểu

Kế toán trưởng


Nguyễn Hà Khiêm


Lê Ngọc


Tổng Giám đốc
Nguyễn Quang Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

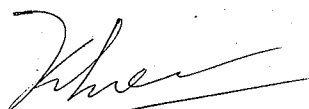
Quý II năm 2017

Đơn vị tính: đ

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	52.011.106.231	68.038.221.404
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá dịch vụ	02	(47.692.473.854)	(58.117.709.251)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.390.799.026)	(3.230.027.838)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(481.191.112)	(445.682.529)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(14.996.035)	(448.484.627)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	311.385.214	1.192.875.376
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.068.436.195)	(3.460.092.863)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20	(3.325.404.777)	3.529.099.672
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(39.800.000)	0
2.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	3.000.000.000	0
3.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	457.922.494	605.950.114
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	3.418.122.494	605.950.114
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ đi vay	33	30.250.172.870	37.323.435.631
2.	Tiền trả nợ gốc vay	34	(29.600.001.235)	(40.957.937.005)
3.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.920.640.000)	(7.920.640.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(7.270.468.365)	(11.555.141.374)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(7.177.750.648)	(7.420.091.588)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.459.384.182	10.152.303.856
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4.281.633.534	2.732.212.268

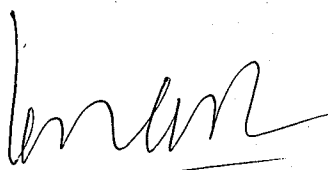
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2017

Người lập biểu

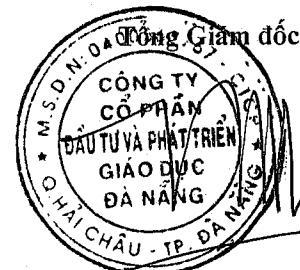


Nguyễn Hà Khuyên

Kế toán trưởng



Lê Ngọc



Nguyễn Quang Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001382 cấp lần đầu ngày 04/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017.

Công ty đã đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 467/QĐ-SGDHN ngày 13/08/2009 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán DAD. Ngày giao dịch chính thức là 19/08/2009.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 08 (tám) ngày 08/6/2017 của Công ty là: 50.000.000.000 đồng *(Năm mươi tỷ đồng)*.

Trụ sở chính: Số 145 Lê Lợi, phường Hải Châu 1, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Hình thức sở hữu vốn: Cổ phần.

Mã chứng khoán niêm yết: DAD.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là xuất bản sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo và các công cụ hỗ trợ giáo dục.

3. Ngành nghề kinh doanh

- In ấn. Chi tiết: Tổ chức, liên kết xuất bản, in và phát hành các loại sách hỗ trợ sách giáo khoa và các ấn phẩm khác
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm;
- Dạy nghề. Chi tiết: Đào tạo nghề: Tin học, ngoại ngữ;
- Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng dân dụng;
- Kinh doanh vận tải hàng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ địa ốc. Kinh doanh dịch vụ cho thuê kho bãi, mặt bằng kinh doanh, văn phòng làm việc;
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất: Thiết bị dụng cụ giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh và lịch các loại.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

5. Tổng số nhân viên đến ngày 30/6/2017: 41 nhân viên (Ngày 01/01/2017: 45 nhân viên).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (đ) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2017 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho 6 tháng đầu năm 2016.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán Công ty đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ. Việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là Báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa theo chi phí lương và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung phát sinh trong quá trình sản xuất thực hiện xây lắp các công trình xây dựng cơ bản dở dang.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp bình quân gia quyền.

Hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

6. Nguyên tắc ghi nhận và tính khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**6.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

6.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất là số tiền trả khi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp từ người khác, chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 năm
Tài sản cố định vô hình khác: Website	5 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ; công cụ dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ trên 12 tháng đến 36 tháng (ngoại trừ chi phí thuê đất).

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác,... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 " Chi phí đi vay".

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ mà Công ty đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế Công ty chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo, như: chi phí lãi tiền vay; chi phí tổ chức bản thảo, phí bản quyền; chi phí hoa hồng môi giới...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu sẽ được ghi nhận tương ứng với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

Doanh thu chưa thực hiện bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện theo nguyên tắc phù hợp với phần nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong một hoặc nhiều kỳ kế toán tiếp theo.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu: Nguồn vốn kinh doanh được hình thành từ số tiền mà các cổ đông đã góp vốn mua cổ phần, cổ phiếu, hoặc được bổ sung từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông. Nguồn vốn kinh doanh được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

Cổ phiếu quỹ: được ghi nhận theo giá thực tế mua lại bao gồm giá mua lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua lại cổ phiếu như chi phí giao dịch.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ Điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận theo nguyên tắc phân bổ số tiền cho thuê nhận trước phù hợp với thời gian cho thuê.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*, bao gồm: lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng, cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện, lãi thu được từ hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp nghiệm thu trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu do nó tạo ra được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Các khoản chi phí hoặc khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán...; Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)

Các khoản chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã ghi nhận không được coi là chi phí được trừ khi tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn, chứng từ thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

19. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

20. Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, các tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. Công cụ tài chính (tiếp theo)***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, các khoản phải trả khác, các khoản vay, nợ ngắn hạn.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tình hình tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

22. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Thuế GTGT: Công ty thực hiện nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT áp dụng các mức 10%, 5% và không chịu thuế cho từng loại mặt hàng theo quy định hiện hành.

Các loại thuế, phí khác thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>30/6/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Tiền mặt tại quỹ	218.950.415	136.978.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	4.062.683.119	3.322.406.182
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	2.587.999.655	813.752.733
<i>Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	352.466.656	3.203.094
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng</i>	899.974.283	2.010.658.904
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	178.142.117	373.928.107
<i>Ngân Hàng Liên doanh Việt - Nga - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	13.345.630	13.476.821
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	30.754.778	107.386.523
Các khoản tương đương tiền	0	8.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn 01 tháng	0	8.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Đà Nẵng</i>	0	8.000.000.000
Cộng	<u>4.281.633.534</u>	<u>11.459.384.182</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 0236.3889.954 Fax: 0236.3889.957

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo TT số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

2. Chứng khoán kinh doanh**a. Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng giá trị cổ phiếu	408.545.000	537.000.000	0	408.545.000	574.500.000	0
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học TP. Hồ Chí Minh (STC)</i>	408.545.000	537.000.000	0	408.545.000	574.500.000	0
Cộng	408.545.000	537.000.000	0	408.545.000	574.500.000	0

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2017				01/01/2017			
	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Tỷ lệ	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		5.449.500.000	5.449.500.000	0		5.449.500.000	5.449.500.000	0
<i>Công ty CP In và Dịch vụ Đà Nẵng</i>	20,00%	2.530.000.000	2.530.000.000	0	20,00%	2.530.000.000	2.530.000.000	0
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định (BDB)</i>	25,92%	2.919.500.000	2.919.500.000	0	25,92%	2.919.500.000	2.919.500.000	0
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		13.227.750.000	13.227.750.000	0		16.227.750.000	16.227.750.000	0
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Đà Nẵng</i>	8,76%	350.000.000	350.000.000	0	8,76%	350.000.000	350.000.000	0
<i>Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam (SMN)</i>	2,27%	1.000.000.000	1.000.000.000	0	2,27%	1.000.000.000	1.000.000.000	0
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (EFI)</i>	8,59%	8.877.750.000	8.877.750.000	0	8,59%	8.877.750.000	8.877.750.000	0
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam</i>	2,76%	3.000.000.000	3.000.000.000	0	5,52%	6.000.000.000	6.000.000.000	0
Cộng		18.677.250.000	18.677.250.000	0		21.677.250.000	21.677.250.000	0

(*) Công ty đang xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tại các Công ty bao gồm công ty niêm yết và chưa niêm yết dựa vào Báo cáo tài chính của các Công ty này cho kỳ kế toán 6 tháng đầu năm 2017.

(**) Giảm vốn góp theo Thông báo số 03/TB-VEPIC ngày 18/4/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 252/DEICO ngày 04/5/2017 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng về việc thoái vốn tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất bản - Thiết bị Giáo dục Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Phải thu khách hàng

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Phải thu của khách hàng ngắn hạn	40.133.976.639	(1.677.902.231)	14.906.638.064	(1.111.415.836)
Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Quảng Ngãi	7.569.963.283	0	1.523.776.749	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Gia Lai	5.641.220.432	0	232.109.114	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Đà Nẵng	3.484.698.317	0	28.058.494	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thừa Thiên Huế	3.153.396.213	0	8.139.998	0
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Quảng Bình	2.947.203.936	0	741	0
Công ty TNHH MTV Sách và Thiết bị giáo dục Phước Lộc	1.571.655.978	0	1.610.300.805	0
Công ty TNHH Sách - Văn hóa thời đại	978.862.563	0	1.951.642.423	0
Các khoản phải thu khác	14.786.975.917	(1.677.902.231)	9.552.609.740	(1.111.415.836)
Cộng	40.133.976.639	(1.677.902.231)	14.906.638.064	(1.111.415.836)
b- Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	719.025.643	0	529.659.912	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	196.492.395	0	72.120.835	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	176.106.410	0	176.432.810	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	152.328.146	0	178.061.675	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	111.245.892	0	86.341.792	0
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	82.270.000	0	16.120.000	0
Công ty cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	582.800	0	582.800	0

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Trả trước cho người bán ngắn hạn	2.826.971.034	0	2.093.928.073	0
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	2.000.000.000	0	0	0
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	730.438.957	0	668.438.957	0
Công ty Cổ phần In - Đầu tư phát triển Giáo Dục Gia Lai	0	0	506.799.845	0
CN Công ty TNHH MTV XSKT và DV In Đà Nẵng - Xí nghiệp in tổng hợp	0	0	408.477.410	0
Công ty Cổ phần In và Dịch vụ Thừa Thiên Huế	0	0	356.704.784	0
Các đối tượng khác	96.532.077	0	153.507.077	0
Cộng	2.826.971.034	0	2.093.928.073	0
b- Trả trước cho người bán là các bên liên quan	730.438.957	0	668.438.957	0
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	730.438.957	0	668.438.957	0

5. Phải thu khác

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a- Ngắn hạn	552.098.783	0	1.148.371.742	0
Tạm ứng	518.938.348	0	1.089.587.487	0
Trần Hoàng Nam	50.000.000	0	69.335.300	0
Lê Quốc Dũng	57.085.156	0	59.085.156	0
Hồ Đăng Minh	45.203.299	0	66.913.519	0
Các đối tượng khác	366.649.893	0	894.253.512	0
Các khoản phải thu khác	33.160.435	0	58.784.255	0
Cộng	552.098.783	0	1.148.371.742	0

6. Tài sản thiếu chờ xử lý

	30/6/2017	01/01/2017
Các loại sách kiểm kê thiếu	402.925.565	402.925.565
Cộng	402.925.565	402.925.565

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

7. Nợ xấu

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán trên 3 năm	253.841.153	0	226.430.523	0
<i>Công ty TNHH MTV TM và DV Sách - Thiết bị Thành Phát</i>	73.635.075	0	39.170.845	0
<i>Nhà Sách Minh Đức</i>	54.597.832	0	54.597.832	0
<i>Siêu thị Quảng Ngãi</i>	30.739.290	0	30.739.290	0
<i>Siêu thị sách Nguyễn Văn Cừ - Quảng Nam</i>	25.582.026	0	25.582.026	0
<i>Các khách hàng khác</i>	69.286.930	0	76.340.530	0
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 2 năm đến dưới 3 năm	781.814.358	234.544.307	520.455.703	156.136.711
<i>Công ty CP Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	583.599.258	175.079.777	347.586.773	104.276.032
<i>Công ty TNHH MTV TM và DV Sách - Thiết bị Thành Phát</i>	198.215.100	59.464.530	172.868.930	51.860.679
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 1 năm đến dưới 2 năm	376.863.314	188.431.657	769.366.087	384.683.043
<i>Công ty TNHH MTV Thương mại HBE</i>	98.826.960	49.413.480	98.826.960	49.413.480
<i>Công ty CP Sách - TBTH Thanh Hoá</i>	72.652.800	36.326.400	308.665.285	154.332.643
<i>Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	56.556.000	28.278.000		
<i>Trung tâm sách Xuân Thu</i>	38.591.000	19.295.500		
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	0	0	119.055.792	59.527.896
<i>Các khách hàng khác</i>	110.236.554	55.118.277	242.818.050	121.409.024
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng đến dưới 1 năm	2.294.531.235	1.606.171.865	453.277.590	317.294.313
<i>Nhà sách Việt Lý</i>	568.898.792	398.229.155	1.122.000	785.400
<i>Công ty TNHH Sách và Văn Hoá Phẩm Quảng Lợi</i>	238.625.600	167.037.920		
<i>Công ty CP Quảng cáo và Dịch vụ văn hóa Đà Nẵng</i>	0	0	172.400.000	120.680.000
<i>Trung tâm sách Nguyễn Huệ</i>	39.000.000	27.300.000	56.556.000	39.589.200
<i>Các khách hàng khác</i>	1.448.006.843	1.013.604.790	223.199.590	156.239.713
Cộng	3.707.050.060	2.029.147.829	1.969.529.903	858.114.067

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

8. Hàng tồn kho

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.996.990.080	0	1.017.569.887	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	7.697.389.411	0	12.288.624.922	0
Thành phẩm	23.224.239.399	(4.898.114.751)	16.134.840.200	(4.139.618.106)
Cộng	32.918.618.890	(4.898.114.751)	29.441.035.009	(4.139.618.106)

Toàn bộ hàng hóa luân chuyển, hàng tồn kho của Công ty đang được thế chấp để đảm bảo cho tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

9. Chi phí trả trước

	30/6/2017	01/01/2017
a- Ngắn hạn	2.318.185.700	2.134.917.754
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ còn phải phân bổ cho hàng tồn kho	2.248.697.973	1.992.669.999
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	69.487.727	19.367.755
Chi phí trả trước khác	0	122.880.000
b- Dài hạn	686.272.138	720.874.096
Chi phí thuê đất KCN Hòa Cầm (*)	686.272.138	720.874.096
Cộng	3.004.457.838	2.855.791.850

(*) Công ty đã mua lại quyền thuê đất tại Khu công nghiệp Hòa Cầm của Công ty Cổ phần In Sách Giáo Khoa Hòa Phát theo Hợp đồng chuyển nhượng ngày 04/9/2009. Theo đó, thời hạn thuê đất sẽ kết thúc vào ngày 22/5/2027. Quyền thuê đất này đang được thế chấp để đảm bảo cho tiền vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

10. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

	01/01/2017		Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/6/2017	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	0	0	65.119.545	40.318.603	0	24.800.942
Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.738.130	0	3.208.521.416	14.996.035	0	3.132.787.251
Thuế thu nhập cá nhân: CBCNV	0	37.171.885	341.267	78.113.335	40.600.183	0
Thuế thu nhập cá nhân: Vãng lai	0	95.363.326	241.809.772	299.187.175	0	37.985.923
Thuế môn bài	0	0	3.000.000	3.000.000	0	0
Cộng	60.738.130	132.535.211	3.518.792.000	435.615.148	40.600.183	3.195.574.116

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	14.823.396.303	1.470.960.000	382.414.091	16.676.770.394
Mua trong kỳ	0	2.029.800.000	0	2.029.800.000
Tại ngày 30/6/2017	14.823.396.303	3.500.760.000	382.414.091	18.706.570.394
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	3.385.577.086	1.468.294.205	370.365.850	5.224.237.141
Khấu hao trong kỳ	386.292.000	59.957.796	7.668.000	453.917.796
Tăng do phân loại lại	375.852	0	0	375.852
Giảm do phân loại lại	0	(1)	(375.851)	(375.852)
Tại ngày 30/6/2017	3.772.244.938	1.528.252.000	377.657.999	5.678.154.937
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	11.437.819.217	2.665.795	12.048.241	11.452.533.253
Tại ngày 30/6/2017	11.051.151.365	1.972.508.000	4.756.092	13.028.415.457

Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2017 của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **11.051.151.365 đồng**.

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/6/2017 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: **1.807.384.091 đồng**.

Nguyên giá TSCĐ tại ngày 30/6/2017 chờ thanh lý: **0 đồng**.

12. Tăng giảm tài sản cố định vô hình

KHOẢN MỤC	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2017	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
Tại ngày 30/6/2017	7.799.999.000	85.000.000	7.884.999.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2017	0	53.927.789	53.927.789
Khấu hao trong kỳ	0	8.502.000	8.502.000
Tại ngày 30/6/2017	0	62.429.789	62.429.789
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	7.799.999.000	31.072.211	7.831.071.211
Tại ngày 30/6/2017	7.799.999.000	22.570.211	7.822.569.211

Giá trị còn lại tại ngày 30/6/2017 của TSCĐ vô hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **7.799.999.000 đồng**.

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/6/2017 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: **0 đồng**.

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 30/6/2017 chờ thanh lý: **0 đồng**.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. Phải trả người bán

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Phải trả người bán ngắn hạn	14.252.695.702	14.252.695.702	9.238.857.741	9.238.857.741
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	2.600.682.171	2.600.682.171	449.431.939	449.431.939
Công ty TNHH Giấy Minh Cường Phát	2.345.383.703	2.345.383.703	2.853.218.050	2.853.218.050
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.574.711.827	1.574.711.827	566.834.434	566.834.434
Chi nhánh Công ty TNHH MTV XSKT và DV In Đà Nẵng - Xí nghiệp in tổng hợp	1.488.437.389	1.488.437.389	0	0
Công ty Cổ phần Giấy Phùng Vĩnh Hưng	1.280.544.125	1.280.544.125	1.166.716.152	1.166.716.152
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.113.993.400	1.113.993.400	998.295.700	998.295.700
Phải trả người bán khác	3.848.943.087	3.848.943.087	3.204.361.466	3.204.361.466
Cộng	14.252.695.702	14.252.695.702	9.238.857.741	9.238.857.741
b- Phải trả người bán là bên liên quan	1.199.993.400	1.199.993.400	1.037.834.949	1.037.834.949
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	1.113.993.400	1.113.993.400	998.295.700	998.295.700
Công ty Cổ phần Học liệu	86.000.000	86.000.000	0	0
Công ty Cổ Phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	0	0	39.539.249	39.539.249

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. Người mua trả tiền trước

	30/6/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Ngắn hạn	325.569.090	325.569.090	234.723.431	234.723.431
Công ty TNHH Crown WorldWide	316.800.000	316.800.000	153.648.000	153.648.000
Công ty CP Phát triển Giáo dục Quảng Nam	0	0	66.736.090	66.736.090
Nhà Sách Minh Trí (Nguyễn Thị Sinh - Bình Định)	8.030.410	8.030.410	6.030.190	6.030.190
Các đối tượng khác	738.680	738.680	8.309.151	8.309.151
Cộng	325.569.090	325.569.090	234.723.431	234.723.431

15. Chi phí phải trả

	30/6/2017	01/01/2017
a- Ngắn hạn	6.847.472.992	2.978.415.574
Phí tổ chức bàn thảo, phí bản quyền	5.136.733.460	2.957.305.776
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	1.642.200.080	0
Trích trước chi phí tư vấn thiết kế	0	18.500.000
Trích trước chi phí lãi vay	5.166.332	0
Chi phí phải trả khác	63.373.120	2.609.798
Cộng	6.847.472.992	2.978.415.574

16. Phải trả khác

	30/6/2017	01/01/2017
a- Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	88.549.631	88.549.631
Kinh phí công đoàn	26.555.172	25.706.430
Bảo hiểm xã hội	24.754.539	52.305.961
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	320.000	7.920.960.000
Chi phí môi giới xúc tiến giới thiệu sách	16.381.344	663.791.264
Các khoản phải trả khác	3.019.549	3.019.549
Cộng	159.580.235	8.754.332.835

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2017		Trong kỳ		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a- Vay ngắn hạn	5.722.706.600	5.722.706.600	30.250.172.870	29.600.001.235	5.072.534.965	5.072.534.965
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Đà Nẵng [1]	5.722.706.600	5.722.706.600	30.250.172.870	29.600.001.235	5.072.534.965	5.072.534.965
Cộng	5.722.706.600	5.722.706.600	30.250.172.870	29.600.001.235	5.072.534.965	5.072.534.965

[1] Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 300075709/2017/HĐTDHM/NHCT488-DAD ngày 13/2/2017, trong đó: Hạn mức cho vay là 40.000.000.000 đồng; Thời hạn mỗi khoản vay theo từng lần nhận nợ và không quá 9 tháng kể từ ngày rút vốn; Lãi suất theo từng giấy nhận nợ; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh in sách giáo khoa và các ấn phẩm giáo dục; Tài sản đảm bảo bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401011470 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 13/10/2000 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 3401011108 do UBND TP Đà Nẵng cấp ngày 25/4/2000; Xe ô tô Toyota Camry BKS 43A-016.27; Cổ phiếu quỹ DAD và cổ phiếu BDB đang nắm giữ; Hàng tồn kho và các tài sản khác theo các Hợp đồng đảm bảo đi kèm.

18. Vốn chủ sở hữu

a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 30/6/2016					
Số dư tại ngày 01/01/2016	50.000.000.000	(2.907.360.967)	4.689.507.553	23.378.433.467	75.160.580.053
Tăng trong kỳ	0	0	310.492.447	12.625.797.521	12.936.289.968
Giảm trong kỳ	0	0	0	(10.456.002.076)	(10.456.002.076)
Số dư tại ngày 30/6/2016	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.000.000.000	25.548.228.912	77.640.867.945
Kỳ kế toán từ 01/01/2017 đến 30/6/2017					
Số dư tại ngày 01/01/2017	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.351.901.478	17.804.456.257	70.248.996.768
Lợi nhuận trong kỳ	0	0	0	12.755.505.787	12.755.505.787
Trích lập các quỹ (*)	0	0	644.303.622	(2.577.214.487)	(1.932.910.865)
Số dư tại ngày 30/6/2017	50.000.000.000	(2.907.360.967)	5.996.205.100	27.982.747.557	81.071.591.690

(*) Tạm phân phối lợi nhuận năm 2017 theo Nghị quyết 276/CV-DEIDCO ngày 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng:

- Tạm trích Quỹ Đầu tư phát triển: 644.303.622 đồng.
- Tạm trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi: 1.288.607.243 đồng.
- Tạm trích thù lao HĐQT, Ban kiểm soát: 644.303.622 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****b- Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	<u>30/6/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Vốn góp của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	20.750.000.000	20.750.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	25.842.000.000	25.842.000.000
Cổ phiếu quỹ	3.408.000.000	3.408.000.000
Cộng	<u>50.000.000.000</u>	<u>50.000.000.000</u>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức lợi nhuận được chia

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</u>
Vốn góp của chủ sở hữu	50.000.000.000	50.000.000.000
+ <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
+ <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	0	0
+ <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	7.920.640.000

d- Cổ phiếu

	<u>30/6/2017 Cổ phiếu</u>	<u>01/01/2017 Cổ phiếu</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	5.000.000	5.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	340.800	340.800
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.659.200	4.659.200
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	0	0

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e- Các quỹ của doanh nghiệp

	<u>30/6/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Quỹ đầu tư phát triển	5.996.205.100	5.351.901.478
Cộng	<u>5.996.205.100</u>	<u>5.351.901.478</u>

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư và phát triển được sử dụng để đầu tư mở rộng quy mô hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đ

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	66.121.535.636	59.626.022.629	72.869.747.362	65.630.166.723
Doanh thu bán sách tham khảo	8.911.755.728	10.741.599.495	12.276.980.302	14.157.610.521
Doanh thu khác	1.482.531.400	968.381.441	7.921.868.684	11.271.827.148
Cộng	76.515.822.764	71.336.003.565	93.068.596.348	91.059.604.392

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Hàng bán bị trả lại sách hỗ trợ sách giáo khoa	2.132.115.360	338.642.505	2.378.449.141	410.404.510
Hàng bán bị trả lại sách tham khảo	318.115.610	364.624.460	732.482.830	517.145.915
Hàng bán bị trả lại khác	25.479.600	207.900	25.479.600	2.889.718
Cộng	2.475.710.570	703.474.865	3.136.411.571	930.440.143

3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Doanh thu bán sách hỗ trợ sách giáo khoa	63.989.420.276	59.287.380.124	70.491.298.221	65.219.762.213
Doanh thu bán sách tham khảo	8.593.640.118	10.376.975.035	11.544.497.472	13.640.464.606
Doanh thu khác	1.457.051.800	968.173.541	7.896.389.084	11.268.937.430
Cộng	74.040.112.194	70.632.528.700	89.932.184.777	90.129.164.249

4. Giá vốn hàng bán

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Giá vốn sách hỗ trợ sách giáo khoa	40.563.193.407	37.088.102.573	45.063.902.461	41.874.592.790
Giá vốn sách tham khảo	4.868.719.310	5.942.168.698	7.030.666.775	7.626.356.474
Giá vốn hàng hóa khác	960.730.353	526.027.844	7.396.800.842	10.535.029.746
Cộng	46.392.643.070	43.556.299.115	59.491.370.078	60.035.979.010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***5. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Cổ tức lợi nhuận được chia	475.560.000	466.975.000	595.060.000	586.475.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.199.742	10.199.068	104.862.494	10.641.780
Cộng	479.759.742	477.174.068	699.922.494	597.116.780

6. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Lãi tiền vay	229.748.656	235.949.258	486.357.444	438.015.480
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	364.273.863	415.941.052	364.273.863	424.941.052
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	0	(19.497.727)	0	(19.497.727)
Cộng	594.022.519	632.392.583	850.631.307	843.458.805

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
a- Chi phí bán hàng	6.283.189.171	6.226.351.263	6.985.284.427	6.998.320.613
Chi phí nhân viên	3.584.130.931	3.160.121.708	3.805.579.014	3.365.833.088
Chi phí khấu hao TSCĐ	79.375.796	79.392.696	158.767.796	161.645.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.295.575.472	2.044.543.534	2.451.171.249	2.210.460.165
Chi phí bằng tiền khác	324.106.972	942.293.325	569.766.368	1.260.381.882
b- Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.784.160.950	5.387.820.413	7.340.794.408	7.011.440.203
Chi phí nhân viên quản lý	3.783.560.932	3.160.121.708	4.309.427.016	3.513.942.088
Chi phí vật liệu quản lý	115.607.453	47.463.136	259.195.153	104.430.338
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	566.486.395	367.014.166	566.486.395	367.014.166
Chi phí khấu hao TSCĐ	180.472.000	151.385.480	303.652.000	316.100.860
Thuế, phí, lệ phí	0	0	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	381.684.023	564.103.938	460.810.457	830.497.163
Chi phí bằng tiền khác	756.350.147	1.097.731.985	1.438.223.387	1.876.455.588
Cộng	12.067.350.121	11.614.171.676	14.326.078.835	14.009.760.816

8. Thu nhập khác

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Thu nhập từ thanh lý công cụ dụng cụ	0	1.818.182	0	1.963.637
Xử lý chênh lệch công nợ	152	572	152	572
Cộng	152	1.818.754	152	1.964.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

9. Chi phí khác

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Xử lý chênh lệch công nợ	0	405	0	405
Cộng	0	405	0	405

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.277.040.955	8.134.586.895	25.420.222.877	13.597.846.643
Chi phí nhân công	7.367.691.863	6.462.730.416	8.115.006.030	7.183.475.176
Chi phí khấu hao TSCĐ	259.847.796	230.778.176	462.419.796	477.746.338
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.881.573.563	13.586.240.159	36.726.697.211	33.383.012.480
Chi phí khác bằng tiền	1.088.856.301	2.249.585.488	2.015.531.884	7.902.890.488
Cộng	29.875.010.478	30.663.921.134	72.739.877.798	62.544.971.125

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.465.856.378	15.308.657.743	15.964.027.203	15.839.046.202
Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế	(195.059.450)	174.158.355	78.579.875	227.197.201
- Cổ tức lợi nhuận được chia	(475.560.000)	(466.975.000)	(595.060.000)	(586.475.000)
- Khấu hao xe ô tô phần nguyên giá trên 1,6 tỷ	10.745.000	0	12.131.000	0
- Chi phí không được trừ	269.755.550	641.133.355	661.508.875	813.672.201
Tổng lợi nhuận tính thuế	15.270.796.928	15.482.816.098	16.042.607.078	16.066.243.403
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.054.159.386	3.096.563.220	3.208.521.416	3.213.248.681
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	3.054.159.386	3.096.563.220	3.208.521.416	3.213.248.681

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
LN kế toán sau thuế TNDN	12.411.696.992	12.212.094.523	12.755.505.787	12.625.797.521
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.411.696.992	12.212.094.523	12.755.505.787	12.625.797.521
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.869.545.365	1.831.814.178	1.932.910.865	1.893.869.629
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.262,65	2.227,91	2.322,84	2.303,38

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

13. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Quý II năm 2017	Quý II năm 2016	Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016
LN kế toán sau thuế TNDN	12.411.696.992	12.212.094.523	12.755.505.787	12.625.797.521
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đồng sở hữu cổ phiếu phổ thông	12.411.696.992	12.212.094.523	12.755.505.787	12.625.797.521
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban điều hành (*)	1.869.545.365	1.831.814.178	1.932.910.865	1.893.869.629
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.659.200	4.659.200	4.659.200	4.659.200
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.262,65	2.227,91	2.322,84	2.303,38

(*) Năm 2016 lấy số liệu chính xác từ phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 276/CV-DEIDCO ngày 20/5/2017 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017 (số liệu 6 tháng và quý II được lấy theo số đơn vị đã trích trong 6 tháng đầu năm 2016). Năm 2017 lấy theo số tạm trích theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 đã được thông qua ở Đại hội đồng cổ đông năm 2017 - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng.

14. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

14.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro về giá nguyên vật liệu, chi phí công in và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2017 và ngày 30/6/2016.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 30/6/2017 và ngày 30/6/2016.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***14.1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)*****Độ nhạy đối với lãi suất***

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017		
Đồng	+100	(14.410.731)
Đồng	-100	14.410.731
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016		
Đồng	+100	(5.777.877)
Đồng	-100	5.777.877

Mức tăng / giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao so với các kỳ trước.

Rủi ro giá nguyên vật liệu và chi phí công in

Chi phí nguyên vật liệu (chủ yếu là giấy cuộn, giấy bìa) và chi phí công in là hai khoản chi phí chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất. Do đó, việc thay đổi giá của nguyên vật liệu cũng như dịch vụ sẽ ảnh hưởng rất lớn đến giá thành của thành phẩm. Công ty cho rằng rủi ro về giá nguyên vật liệu và chi phí công in trong hoạt động sản xuất kinh doanh là ở mức cao. Nhằm đảm bảo ổn định giá thành thành phẩm, bộ phận quản lý sản xuất của Công ty thường xuyên theo dõi tình hình biến động của giá cả nguyên vật liệu cũng như chi phí công in và đề xuất với Tổng Giám đốc để có phương án dự trữ nguyên vật liệu cũng như phương án sản xuất kinh doanh phù hợp.

Rủi ro về giá chứng khoán kinh doanh

Các cổ phiếu đã niêm yết do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính này, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào chứng khoán kinh doanh của Công ty là 600.000.000 đồng Việt Nam (ngày 30 tháng 6 năm 2017: 537.000.000 đồng). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ giảm khoảng 53.700.000 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng 10% lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ tăng lên khoảng 53.700.000 đồng Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

14.2. Rủi ro tín dụng

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chủ yếu giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Ngày	Không bị quá hạn và không bị suy giảm	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	Quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	Quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm	Tổng cộng
30/6/2017	36.426.926.579	2.294.531.235	376.863.314	781.814.358	253.841.153	40.133.976.639
01/01/2017	12.937.108.161	453.277.590	769.366.087	520.455.703	226.430.523	14.906.638.064

Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng:

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thiết lập chính sách tín dụng riêng biệt cho từng loại khách hàng. Đối với kinh doanh sách hỗ trợ thì địa bàn và chính sách bán hàng được thực hiện theo Thông báo số 433/NXBGDVN ngày 30/3/2017 của Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Đối với kinh doanh sách tham khảo và các mặt hàng khác, việc kinh doanh được thực hiện theo chính sách bán hàng của Công ty theo Quyết định số 232/QĐ-DEIDCO ngày 24/4/2017. Theo đó, mỗi khách hàng mới phải được thẩm định để Công ty có phương thức bán hàng riêng cho từng loại khách hàng. Đồng thời, các khách hàng của Công ty cũng được chia làm 4 loại: kim cương, vàng, bạc, đồng và mỗi loại khách hàng này được hưởng các chính sách bán hàng cụ thể.

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được. Đối với khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***14.3. Rủi ro thanh khoản**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Tại ngày 30/6/2017	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	5.722.706.600	0	5.722.706.600
Phải trả người bán	14.252.695.702	0	14.252.695.702
Chi phí phải trả	6.847.472.992	0	6.847.472.992
Các khoản phải trả, phải nộp khác	19.720.893	0	19.720.893
Cộng	26.842.596.187	0	26.842.596.187
Tại ngày 01/01/2017			
Các khoản vay và nợ	5.072.534.965	0	5.072.534.965
Phải trả người bán	9.238.857.741	0	9.238.857.741
Chi phí phải trả	2.978.415.574	0	2.978.415.574
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.587.770.813	0	8.587.770.813
Cộng	25.877.579.093	0	25.877.579.093

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thanh toán các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng. Đối với các khoản vay dưới 01 năm, Công ty có thể tiếp tục duy trì nguồn vốn này với các bên cho vay hiện tại (sau khi đã thanh toán đủ cả gốc và lãi).

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, chứng khoán kinh doanh, phương tiện vận tải, hàng tồn kho, quyền thuê đất làm tài sản thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

Nội dung	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	30/6/2017		01/01/2017		30/6/2017	01/01/2017
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.281.633.534	0	11.459.384.182	0	4.281.633.534	11.459.384.182
Đầu tư tài chính ngắn hạn	408.545.000	0	408.545.000	0	537.000.000	574.500.000
Phải thu khách hàng	40.133.976.639	(1.677.902.231)	14.906.638.064	(1.111.415.836)	38.456.074.408	13.795.222.228
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	5.449.500.000	0	5.449.500.000	0	5.449.500.000	5.449.500.000
Đầu tư dài hạn khác	13.227.750.000	0	16.227.750.000	0	13.227.750.000	16.227.750.000
Phải thu khác	33.160.435	0	58.784.255	0	33.160.435	58.784.255
TỔNG CỘNG	63.534.565.608	(1.677.902.231)	48.510.601.501	(1.111.415.836)	61.985.118.377	47.565.140.665
Nợ phải trả tài chính						
Vay và nợ	5.722.706.600	0	5.072.534.965	0	5.722.706.600	5.072.534.965
Phải trả người bán	14.252.695.702	0	9.238.857.741	0	14.252.695.702	9.238.857.741
Chi phí phải trả	6.847.472.992	0	2.978.415.574	0	6.847.472.992	2.978.415.574
Phải trả khác	19.720.893	0	8.587.770.813	0	19.720.893	8.587.770.813
TỔNG CỘNG	26.842.596.187	0	25.877.579.093	0	26.842.596.187	25.877.579.093

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc năm tài chính.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30/6/2017 và 01/01/2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc giai đoạn tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***Đơn vị tính: đ***1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

	Từ 01/01 đến 30/6 năm 2017	Từ 01/01 đến 30/6 năm 2016
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.250.172.870	37.323.435.631

2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ

	Từ 01/01 đến 30/6 năm 2017	Từ 01/01 đến 30/6 năm 2016
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	29.600.001.235	40.957.937.005

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** Không phát sinh.**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ niên độ**

Không có sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 mà chưa được trình bày trong Báo cáo này.

3. Giao dịch với các bên liên quan**Thông tin chung về các bên liên quan*****Thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc***

Lương, thưởng và thù lao HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong 6 tháng đầu năm 2017 là 921.408.670 đồng.

Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

Trụ sở chính: Số 81 Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam là một doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Giáo dục & Đào tạo. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng được thành lập theo Quyết định số 311/QĐ-TCNS ngày 23/3/2007 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Tại thời điểm 30/6/2017, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đang nắm giữ 2.075.000 cổ phiếu tương ứng 44,54% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của Công ty.

Các bên liên quan khác

Các Công ty trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và các Công ty con do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam nắm quyền chi phối.

Các Công ty liên doanh, liên kết do Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng đầu tư.

Các giao dịch chủ yếu giữa các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 0236.3889.954 Fax: 0236.3889.957

Mẫu số B 09a - DN

(Ban hành theo TT số 200/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

STT	Đối tượng giao dịch	Nội dung giao dịch	01/01/2017	6 tháng đầu năm 2017		30/6/2017	Tài khoản
			Số dư	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư	
I	Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Vốn góp của Nhà xuất bản	20.750.000.000	0	0	20.750.000.000	TK 411
		Phải thu khách hàng	0	58.000.000	58.000.000	0	
		Chi hộ tiền khen thưởng cho Nhà xuất bản	0	58.000.000	58.000.000	0	TK 131N
		Phải trả người bán	668.438.957	62.000.000	0	730.438.957	
		Tiền khen thưởng còn phải thu Nhà xuất bản	668.438.957	62.000.000	0	730.438.957	TK 331N
II	Các đơn vị trực thuộc Nhà xuất bản						
1	Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Mua sách, vật tư	998.295.700	11.585.934.432	11.470.236.732	1.113.993.400	TK 331C
III	Các Công ty con do Nhà xuất bản nắm quyền chi phối						
1	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Quảng Trị	Bán sách	86.341.792	2.066.704.100	2.041.800.000	111.245.892	TK 131N
2	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh	Bán sách	582.800	0	0	582.800	TK 131N
3	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long	Bán sách	16.120.000	66.150.000	0	82.270.000	TK 131N
4	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Bán sách	176.432.810	0	326.400	176.106.410	TK 131N
5	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	Bán sách	72.120.835	178.511.800	54.140.240	196.492.395	TK 131N
6	Công ty Cổ phần Học liệu	Mua vật tư	0	1.086.000.000	1.000.000.000	86.000.000	TK 331C

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 145 Lê Lợi, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Tel: 0236.3889.954 Fax: 0236.3889.957

Mẫu số B 09a - DN*(Ban hành theo TT số 200/TT-BTC**Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)**

STT	Đối tượng giao dịch	Nội dung giao dịch	01/01/2017	6 tháng đầu năm 2017		30/6/2017	Tài khoản
			Số dư	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số dư	
IV Các Công ty liên kết của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng							
1	Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Bình Định	Bán sách	178.061.675	7.791.768.221	7.817.501.750	152.328.146	TK 131N
2	Công ty Cổ Phần In và Dịch vụ Đà Nẵng	Công in	39.539.249	410.212.431	449.751.680	0	TK 331C
		Cổ tức	0	242.000.000	242.000.000	0	

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Hoạt động chính của Công ty là xuất bản, bán sách hỗ trợ sách giáo khoa, sách tham khảo, lịch và bán các công cụ hỗ trợ giáo dục. Công ty không có chi nhánh nào nên Công ty chỉ trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh, không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Bán sách bổ trợ sách giáo khoa	Bán sách tham khảo	Hoạt động khác	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	70.491.298.221	11.544.497.472	7.896.389.084	89.932.184.777
Doanh thu thuần từ				
- bán hàng bán ra bên ngoài	70.491.298.221	11.544.497.472	7.896.389.084	89.932.184.777
2. Chi phí	56.293.073.619	8.869.690.049	8.654.685.245	73.817.448.913
- Giá vốn	45.063.902.461	7.030.666.775	7.396.800.842	59.491.370.078
- Chi phí phân bổ	11.229.171.158	1.839.023.274	1.257.884.403	14.326.078.835
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.198.224.602	2.674.807.423	(758.296.161)	16.114.735.864
4. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ	1.591.012.578	260.563.235	178.224.188	2.029.800.000
5. Tài sản bộ phận	92.116.982.957	15.086.178.063	10.318.884.132	117.522.045.152
Tổng tài sản	92.116.982.957	15.086.178.063	10.318.884.132	117.522.045.152
6. Nợ phải trả bộ phận	28.570.859.161	4.679.105.360	3.200.488.941	36.450.453.462
Tổng nợ phải trả	28.570.859.161	4.679.105.360	3.200.488.941	36.450.453.462

5. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 01/01/2017 trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/6/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/6/2017 được lấy từ Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016 của Công ty đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC.

6. Tính hoạt động liên tục


Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

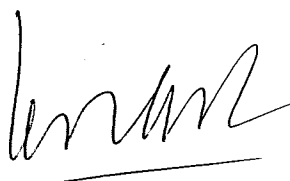
Đà Nẵng, ngày 24 tháng 7 năm 2017

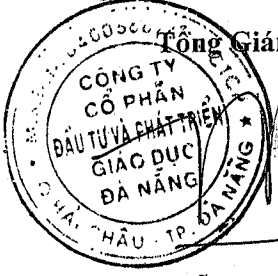

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Nguyễn Hà Khiêm


Lê Ngọc



Nguyễn Quang Dũng